PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH
**TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II
# MÔN: TIẾNG ANH LỚP 9– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

| TT | Kĩ năng | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | | |
| | | *Tỉ lệ (%)* | *Thời gian* | *Tỉ lệ (%)* | *Thời gian* | *Tỉ lệ (%)* | *Thời gian* | *Tỉ lệ (%)* | *Thời gian* | *Tỉ lệ (%)* | *Thời gian* |
| **1** | **Listening** | 10 | 10 | 10 | 10 | | | | | 20 | 20 |
| **2** | **Language** | 20 | 20 | | | | | | | 40 | 20 |
| **3** | **Reading** | 10 | 10 | 20 | 15 | | | | | 20 | 25 |
| **4** | **Writing** | | | | | 20 | 10 | 10 | 15 | 20 | 25 |
| **Tổng** | | **40** | **40** | **30** | **25** | **20** | **10** | **10** | **15** | **100** | **90 p** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | | |
| **Tỉ lệ % chung** | | **70** | | | | **30** | | | | | |

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm và tự luận được quy định rõ trong hướng dẫn chấm.

# BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II
# MÔN: TIẾNG ANH 9– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

| TT | Kĩ năng | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | | | | | | *Tổng Số CH* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | | |
| | | | | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* |
| **I.** | **LISTENING** | *1. Nghe hiểu được nội dung chính và chi tiết một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 160-180 từ liên quan đến các chủ đề đã học.* | **Nhận biết:**<br>- Học sinh Nghe lấy thông tin chi tiết trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án A, B, C, D. (hoặc T/F, điền từ) về:<br>+ Chế biến món ăn<br>+ Sở thích ăn uống<br>+ Du lịch<br>+ Tiếng Anh trên thế giới | 5 | | | | | | | | 5 | |
| | | *2. Nghe hiểu được nội dung chính và chi tiết một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 160-180 từ liên quan đến các chủ đề đã học.* | **Thông hiểu:**<br>- Nghe hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại về chủ đề đã học từ đó xác định được một câu nói là đúng hay sai (T/F) hoặc điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống (gap-filling) hoặc chọn thông tin đúng để trả lời cho câu hỏi (MCQs) | | | | 5 | | | | | | 5 |
| | | **1. Pronunciation**<br>*- Hiểu, phân biệt và sử dụng sử dụng những kiến thức ngôn ngữ **ngữ âm** nằm trong các chủ đề đã học.* | **- Âm nguyên âm - Nhận biết:**<br>+ Nhận diện được các âm nguyên âm đã học: / e /,/ ei /, /u:/, /u/ thông qua phát âm các từ vựng quen thuộc. | 2 | | | | | | | | 2 | |
| | | | **Phụ âm - Nhận biết:**<br>+ Nhận diện được các phụ âm đã học: /t / d/,/id/ /s/, /z/, /iz/… thông qua phát âm đuôi ed các từ vựng quen thuộc. | 3 | | | | | | | | 3 | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | + Trọng âm của từ có 2, 3 âm tiết và các từ nhận biết đuôi | | | | | | | | | | |
| **II.** | **LANGUAGE** | **2. Grammar &Vocabulary**<br><br>*- Hiểu, phân biệt và sử dụng sử dụng những kiến thức ngôn ngữ **từ vựng-ngữ pháp** nằm trong các chủ đề đã học.* | **Nhận biết**<br>+ Nhận biết được cách dùng của một số từ, cụm danh từ , biến đổi tính từ sang danh từ trong sách giáo khoa (nhưng có thể được dùng trong ngữ cảnh mới) | 6 | | | | | | | | 6 | |
| | | | **Nhận biết:**<br>Nắm được nghĩa và cách dùng các mạo từ a/an/the, quán từ some/any | 4 | | | | | | | | 4 | |
| | | | **Các thì đã học**<br>**Nhận biết:**<br>+ Nhận diện được các thì đã học: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. | 3 | | | | | | | | 3 | |
| | | | **Nhận biết:**<br>+ Nhận biết được cách sử dụng các loại mệnh đề trạng ngữ với câu điều kiện loại 1,2. Mệnh đề quan hệ | 2 | | | | | | | | 2 | |
| | | | **Thông hiểu**<br>+ Hiểu được cách sử dụng các động từ ở các thì đã học: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. | | | | 5 | | | | | | 5 |
| | | | **Vận dụng**<br>**+** Vận dụng kiến thức đã học để viết được các dạng của động từ, danh từ, tính từ, trạng từ đúng với ngữ liệu câu. | | | | | | 5 | | | | 5 |
| **III** | **READING** | **1. Multiple choice; T/F**<br>*- Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết các văn bản có độ dài khoảng **180-200** từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình.* | **Nhận biết:**<br>- Nhận biết được thông tin liên quan để trả lời được câu hỏi trắc nghiệm về:<br>+ Chế biến món ăn<br>+ Sở thích ăn uống<br>+ Du lịch<br>+ Tiếng Anh trên thế giới | 5 | | | | | | | | 5 | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **2. Reading comprehension**<br>*- Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết các văn bản có độ dài khoảng **180-200** từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình.* | **- Trả lời câu hỏi**<br>**Thông hiểu:**<br>-Học sinh có thể hiểu, phân tích, trả lời được câu hỏi về:<br>+ Chế biến món ăn<br>+ Sở thích ăn uống<br>+ Du lịch<br>+ Tiếng Anh trên thế giới | | | | 5 | | | | | | 5 |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Sentence transformation** | **Viết lại câu**<br>**Vận dụng:**<br>Viết lại câu cùng nghĩa vận dụng các cấu trúc đã học:<br>+ If<br>+ Relative clause<br>+ Cấu trúc khác có nghĩa tương đương | | | | | | 5 | | | | 5 |
| | | **2. Thematic writing**<br>*- Viết theo **mẫu và/hoặc có gợi ý** một số kiểu văn bản có độ dài khoảng **100-120** từ về nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học hoặc để phục vụ các nhu cầu giao tiếp cá nhân và xã giao đơn giản.* | **Viết đoạn văn theo chủ đề**<br>**Vận dụng cao:**<br>- Sử dụng các kiến thức tổng hợp để viết một trong các nội dung:<br>+ Chế biến món ăn<br>+ Sở thích ăn uống<br>+ Du lịch<br>+ Tiếng Anh trên thế giới | | | | | | | | 1 bài | | 1 bài |
| ***Tổng*** | | | | ***30*** | | | ***15*** | | ***10*** | | ***1 bài*** | **40** | **15+1 bài** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100 %** | **55 câu+ 1 bài** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | | | **30%** | | | | | |

# Cấu trúc bài KTGK 2 – TA9

I. **Listening** (2 điểm) 20%

**Exercise 1**: Trắc nghiệm ( 5 câu = 1 điểm = 10% nhận biết)

**Exercise 2**: Tự luận (5 câu =1 điểm = 10% thông hiểu)

II. **Language** (4 điểm) 40%

**Exercise 1**: pronunciation->Trắc nghiệm ( 5 câu = 0,5 điểm = 5% nhận biết)

**Exercise 2**: MCQs (10 câu = 1 điểm =10% nhận biết)

**Exercise 3**: Correct the mistakes (5 câu = 0,5 điểm =5% nhận biết)

**Exercise 4**: put the verbs into the correct form (5 câu = 1 điểm =10% thông hiểu)

**Exercise 5:** Put the correct form of words (5 câu = 01 điểm =10% vận dụng)

III. **Reading** (2 điểm) 20%

**Exercise 1:** Trắc nghiệm ( 5 câu = 1 điểm = 10% nhận biết)

**Exercise 2:** Tự luận (5 câu =1 điểm = 10% thông hiểu)

IV. **Writing** (2 điểm) 20%

**Exercise 1**: Viết lại câu mà nghĩa không đổi (5 câu = 1,0 điểm = 10 % vận dụng

**Exercise 2**: Viết văn (1 bài = 1,0 điểm = 10% vận dụng cao)